

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 09/09/2021

Về việc: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Bính và ông Vũ Xuân Dự.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà, là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Trong ngày 09 tháng 09 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 118/2021/TLST – HNGĐ ngày 28 tháng 06 năm 2021 về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2021/QĐXXST – DS ngày 23 tháng 08 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H – sinh năm 1996; vắng mặt.

Nơi ĐKKHKT: Xóm 2, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Hiện tạm trú tại: Xóm 7, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh Trần Văn Q – sinh năm 1992; vắng mặt

Nơi ĐKKHKT: Xóm 2, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Hiện anh Q đang chấp hành án tại Phân trại K1, trại giam Ninh Khánh – Cục C10 Bộ công an.

Chị H, anh Q có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Phạm Thị H trình bày: Chị và anh Trần Văn Q có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Đăng ký kết hôn với nhau ngày 19 tháng 12 năm 2019 tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ anh Q tại xóm 2, xã Đ. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do anh Q nghiện ma túy nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Chị và gia đình đã khuyên bảo anh Q nhiều lần nhưng anh

Q không thay đổi. Tháng 2 năm 2021 anh Q đã bị Tòa án nhân dân huyện K xử phạt về tội tàng trữ trái phép chất ma túy hiện đang chấp hành án tại Trại giam Ninh Khánh – Cục C10 Bộ công an. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh chị không có khả năng về đoàn tụ nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Trần Văn Q để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh Trần Văn Q không có con chung nên nay ly hôn chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị và anh Trần Văn Q không có tài sản chung và công nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong bản tự khai bị đơn anh Trần Văn Q trình bày: Anh và chị Phạm Thị H có Đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2019 tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm lối sống, nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng cũng không cải thiện được, cả hai không pháp khắc phục những mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng. Nay anh cũng xác định bản thân không thể chung sống với chị H được nữa nên chị H có đơn xin ly hôn anh cũng nhất trí và không có ý kiến gì.

Về con chung: anh và chị Hoa không có con chung nên nay ly hôn anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh và chị H không có tài sản chung và công nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị H có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn với anh Trần Văn Q có nơi cư trú tại: Xóm 2, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Hiện anh Q đang chấp hành án tại Trại giam Ninh Khánh – Cục C10 Bộ Công an. Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn, bị đơn do chị H và anh Q có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Trần Văn Q có đăng ký kết hôn ngày 19 tháng 12 năm 2019 tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị H và anh Trần Văn Q là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được

pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị về sinh sống cùng bố mẹ đẻ anh Q tại xóm 2, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Quá trình chung sống cả chị H và anh Q đều xác nhận trong cuộc sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn nhiều lần cãi chửi nhau, nguyên nhân do anh Q nghiện ma túy và vợ chồng tính tình không hợp, cuộc sống luôn bất đồng quan điểm. Nay cả chị H và anh Q đều xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, anh chị không có khả năng về đoàn tụ. Chị H có đơn xin ly hôn anh Q, bản thân anh anh Q cũng nhất trí ly hôn với chị H.

Việc chị H và anh Q thừa nhận với nhau về vấn đề mâu thuẫn vợ chồng và cả hai đều nhất trí ly hôn. Điều đó chứng tỏ cuộc sống hôn nhân chị H và anh Q nhiều mâu thuẫn. Do mâu thuẫn không khắc phục được dẫn đến việc hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H có đơn xin ly hôn anh Q. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung và tài sản chung, công nợ chung: Chị H và anh Q không có con chung, tài sản và công nợ chung nên nay ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Như vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Phạm Thị H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Trần Văn Q được ly hôn
2. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ nhà nước. Được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0002623 ngày 28 tháng 06 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được THADS, người phải THADS có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại

các Điều 6, 7 và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- Chi cục THA dân sự huyện K
- UBND xã Đ
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)
Trần Thị Khanh**